

LẬP TRÌNH TEB308 / 824 CƠ BẢN BẰNG BÀN KEY

Bắt đầu vào lập trình hệ thống:

(Để lập trình hệ thống thì bàn lập trình phải gắn vào Port 1)

Nhấn phím Program >> *#1234 >> " PITS-PGM NO?" >> nhập mã lập trình theo hướng dẫn dưới đây:

Chú ý: Các lệnh sau đây tương đương với các phím trên bàn lập trình **KXT7730** hoặc **KXT7030**

- Next** : Tương đương với phím **SP-Phone** dùng để **lật trang màn hình đi tới**
- Select** : Tương đương với phím **Auto Answer**
- Store** : Tương đương với phím **Auto dial store**
- End** : Tương đương với phím **Hold**
- FWD** : Dùng để di chuyển con trỏ đi tới
- CONF** : Dùng để di chuyển con trỏ đi lui
- Redial** : Dùng để lui trang màn hình trở lui

1. Ngày giờ hiện hành :

- Nhập **000** >> bấm **Next** (SP-Phone) >> **Year** (00-99) nhập hai số cho năm >> bấm **Select** (**Auto answer**: chọn từ Jan >> Dec) cho tháng >> **Day** (1 >> 31) nhập hai số cho ngày >> bấm **Select** (**Auto answer**: chọn Sun >> Sat) >> **Hour** (Bấm từ 1 >> 12) để chọn giờ >> **Minute** (Bấm từ 00 >> 99) để chọn phút >> bấm **Select** (**Auto answer**: AM/PM) để chọn AM/PM >> bấm **Store** (Auto dial) để lưu >> bấm **End** (Hold) để kết thúc.

2. Đổi Password lập trình hệ thống:

- Nhập **002** >> bấm **Next** >> **Password(0000 – 9999)** nhập **Password** bốn số cần thay đổi (mặc định là **1234**) >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

3. Bàn giám sát DSS :

- Nhập **003** >> bấm **Next** >> **DSS Console No (1>>2)** Nhập 1 hoặc 2 để chọn bàn DSS1 hay DSS2 >> **Ext Jack No** (02 >> 16) chọn jack đã gắn bàn DSS >> bấm **Store** >> bấm **End** kết thúc.
- Nhập **004** >> bấm **Next** >> **DSS Console No (1>>2)** Nhập 1 hoặc 2 để chọn DSS1 hoặc 2 vừa chọn ở bước trên >> **Ext Jack No** (01>>24) chọn Jack mà gắn bàn lập trình (thường chọn **Jack 01**) >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** để kết thúc.

4. Chế độ ngày đêm chuyển đổi tự động (Auto) hoặc nhân công (Man) :

- Nhập **006** >> bấm **Next** >> bấm **Select** để chọn **Auto** hay **Man** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

5. Định thời gian làm việc ở chế độ ngày đêm :

- Nhập **007** >> bấm **Next** >> bấm **Next (Sun >> Sat)** để chọn thứ hoặc Prew-tương đương phím **Redial (sun >> sat)** hoặc "*" (**Everyday**) chọn tất cả các ngày trong tuần >> bấm **Select (day / night / lunch-S/lunch-E)** chọn chế độ ngày, đêm >> **Hour (1 >> 12)** bấm từ **1>>12** chọn giờ >> **Minute (00 >> 59)** nhập từ **00-59** chọn phút >> bấm **select** chọn AM hoặc PM >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

6. Chọn Jack làm máy Operator :

- Nhập **008** >> bấm **Next** >> **Ext jack No** (01 >> 08) nhập từ 01>> 08 để chọn **Jack** cho **Operator** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

7. Thay đổi số máy nhánh:

Để thay đổi số máy nhánh bạn có thể chọn một trong 3 giải số sau:

- Plan 1** : 100 >> 199
- Plan 2** : 100 >> 499
- Plan 3** : 10 >> 49

- Nhập **009** >> bấm **Next** >> bấm **Select** chọn **Plan 1/2/3** >> bấm **Store** >> bấm **Next** >> **Ext jack No (01>>24)** >> **Ext No** nhập số máy nhánh cần thay đổi >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

8. Kết nối CO hoặc không kết nối CO:

- Nhập **400** >> bấm **Next** >> **CO No? (1...8/*)** nhập **1>>8** để chọn **CO1-CO8** hoặc "*" chọn tất cả **CO** >> bấm **Select** chọn **Connect** hoặc **No connect** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

9. Chọn chế độ quay số cho CO line :chọn chế độ DTMF

- Nhập **401** >> bấm **Next** >> **CO No?(1...8/*)** nhập **1>>8** chọn **CO1>>CO8** hoặc "*" chọn tất cả **CO** >> bấm **Select** để chọn **DTMF Mode** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

10. Xác lập máy đổ chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :

- **Chế độ ngày :** (theo thời gian trong chương trình 007)

- Nhập **408** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" để chọn tất cả **CO** >> **Ext jack No (01...24/*)** nhập từ 01>>24 chọn máy đổ chuông hoặc bấm "*" chọn tất cả máy nhánh đổ chuông >> bấm **Select** chọn **Enable / Disable**>> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

- **Chế độ đêm :** (theo thời gian trong chương trình 007)

- Nhập **409** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc "*" chọn tất cả các **CO** >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập 01>>24 chọn máy đổ chuông hoặc bấm "*" chọn tất cả các máy đổ chuông >> bấm **Select** chọn **Enable/ Disable**>> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

- **Chế độ trưa :** (theo thời gian trong chương trình 007)

- Nhập **410** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập **01>> 24** chọn máy đổ chuông hoặc bấm "*" chọn tất cả các máy đổ chuông >> bấm select chọn **Enable/ Disable** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

11. Chế độ Delay chuông ở chế độ ngày / đêm / trưa :

- **Chế độ ngày tương ứng với chương trình 408**

- Nhập **411** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập **01 >>24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** >> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

- **Chế độ đêm tương ứng với chương trình 409**

- Nhập **412** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập >> chọn **CO1>>CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> **Ext Jack No (01....24/*)** nhập **01>>24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** hoặc bấm "*" tất cả các máy nhánh đổ chuông **Delay** >> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** >> bấm **Store** để lưu>> bấm **End** kết thúc.

- **Chế độ trưa tương ứng với chương trình 410**

- Nhập **413** >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>>CO8** hoặc) chọn tất cả **CO** >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập **01>>24** chọn máy nhánh đổ chuông **Delay** hoặc bấm "*" chọn tất cả các máy đổ chuông **Delay** >> bấm **Select** chọn **Immediately, 5s, 10s , 15s** >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc.

12. Chế độ Hunting :

Tìm máy rỗi trong nhóm đổ chuông

- Nhập **600** >> bấm **Next** >> **Ext jack No (01 >> 24)** nhập **01>>24** chọn máy nhánh để nhóm trong một nhóm >> **Ext group (1...8)** nhập 1>>8 chọn nhóm >> bấm **Store** để lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn các **Ext** vào trong một nhóm.)
- Nhập **100** >> bấm **Next** >> **Ext group No (1...8)** nhập 1>>8 chọn nhóm máy nhánh >> bấm **Select** chọn **Enable/ Disable** >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **Group Ext** dùng **Hunting** tương ứng với lệnh **600**).
- Nhập **101** >> bấm **Next** >> **Ext group (1...8)** nhập 1>> 8 chọn nhóm máy nhánh >> bấm **Select** chọn **Terminal / Circular** >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc
- Nhập **414** (chế độ ngày) >> bấm **Next** >> **CO No(1...8/*)** nhập 1>> 8 chọn **CO1>> CO8** hoặc tất cả các **CO** >> bấm **Select** chọn **Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn **DIL**) >> **Ext Jack No (01>>24/*)** nhập

01>>24 chọn máy nhánh hoặc bấm "*" chọn tất cả máy nhánh >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **DIL** cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm)

- Nhập **415** (chế độ đêm) >> bấm **Next** >> **CO No(1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> bấm **Select Normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn **DIL**) >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập **01>>24** chọn máy nhánh hoặc bấm "*" chọn tất cả máy nhánh >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **DIL** cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm)
- Nhập **416** (chế độ trưa) >> bấm **Next** >> **CO No (1...8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả các **CO** >> bấm **select normal/DIL/DISA1/DISA2/UCD** (chọn **DIL**) >> **Ext Jack No (01...24/*)** nhập **01>>24** chọn máy nhánh hoặc bấm "*" chọn tất cả các máy nhánh >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **DIL** cho **EXT jack** thấp nhất trong nhóm)

13. Chế độ DISA :

Khi gọi vào trên CO sử dụng DISA thì tổng đài phát ra bản tin OGM, người gọi có thể bấm trực tiếp số nội bộ muốn gặp (nếu biết). Nếu không bấm gì thì cuộc gọi tự động chuyển về Operator đã quy định.

- Nhập **414** (chế độ ngày) >> **CO No (1....8/*)** nhập **1>> 8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> bấm **Select** chọn **Normal/DIL/OGM1/OGM2/UCD** (chọn **OGM 1** hoặc **OGM 2**) >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **OGM1/OGM2**)
- Nhập **415** (chế độ đêm) >> **CO No (1....8/*)** nhập **1>>8** chọn **CO1>> CO8** hoặc bấm * tất cả các **CO** >> bấm **select NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD** (chọn **OGM 1** hoặc **OGM 2**) >> bấm **Store** >> bấm **End** kết thúc.
- Nhập **416** (chế độ trưa) >> **Next>> CO No (1....8/*)** nhập **1>>8** chọn **CO1>>CO8** hoặc bấm * chọn tất cả các **CO** >> bấm **Select** chọn **NORMAL/DIL/OGM1/OGM2/UCD** (chọn **OGM 1** hoặc **OGM 2**) >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc. (Chọn **OGM1/OGM2**).
- Nhập **504** >> **Next** >> bấm **Select** để chọn **0s** >> bấm **Store** (Lời chào sẽ phát ngay khi khách gọi đến, mặc định là 3s)
- Nhập **505** >> **Next** >> bấm **Select** để chọn **10s** hoặc **15s** >> bấm **Store** (Tăng thời gian chờ để khách bấm số máy cần gặp)

14. Chế độ DISA bận: Trong trường hợp người gọi nghe lời chào rồi bấm số cần gặp nhưng không may lúc đó số máy cần gặp ta có thể lập trình để tổng đài phát ra một lời thông báo (ví dụ: "Số máy này hiện đang bận, xin vui lòng gọi lại sau")

- Nhập **506 (DISA Busy Mode)** >> **Next** >> bấm **Select** để chọn **DISA** chọn lời số 2 **OMG-2**
- Muốn ghi âm lời 2 ta bấm **Program** >> (không nhập Password) bấm **9** >> bấm **1** >> bấm **2** >> nghe tiếng tút thì đọc lời ghi âm ... xong bấm **Store** để lưu lại.

15. Cấm Ext gọi ra trên đường CO :

- Nhập **4X (X=05,06,07)** >> bấm **Next** >> **CO no** nhập **1...6** chọn từ **CO 1...CO6** hoặc bấm "*" chọn tất cả **CO** >> **Ext Jack No** (chọn **Ext jack** từ **1>> 24** hoặc "*" chọn tất cả) >> bấm **Select (Enable)** chế độ cho phép chiếm co khi bấm số 9 gọi ra ngoài / **Disable** chế độ không cho gọi ra ngoài) >> bấm **Store** lưu >> bấm **End** kết thúc.
 - X=05** ban ngày, **06** ban đêm, **07** trưa
 - Chọn **Enable** cho các **Ext** trên đường **CO** nếu cho máy **Ext** chiếm **CO** gọi ra ngoài. Nếu không cho thì chọn **Disable**.

16. Hạn Chế cuộc gọi :

- Nhập **3X (X= 02-05)** >> bấm **Next** >> **Code No (01-20** là nơi tạo mã cấm cho từng COS từ **COS 2 >> COS 5)** >> bấm **store** lưu >> bấm **End** kết thúc
 - 02** : Class 2
 - 03** : Class 3
 - 04** : Class 4
 - 05** : Class 5
- Nhập **6X (X= 01...03)** >> bấm **Next** >> **Ext jack No (01...24/*)** >> **Cos No (Ext jack ở COS 1 thì không bị giới hạn)** >> **Store**(lưu) >> **End**(kết thúc).

- 01** : cho ban ngày
- 02** : cho ban tối
- 03** : cho ban trưa

17. Gọi ra ngoài bằng Account code :

- Nhập **605 >> Next >> Ext jack No (01...24/*) >> select (Option/ Forced/ Verify all / verify toll) >> store >> End.**
 - Verify all** : ko tạo mã cấm nào trong chương trình (khi gọi ra ngoài là phải nhập **Account code**).
 - Verify toll** : Áp dụng từ COS3 >> COS5, khi đó muốn gọi những mã đã cấm trong chương trình **303 >> 305** phải nhấn **Account code**, những mã không cấm trong chương trình **303>>305** không cần nhấn **Account code**.
- Nhập **310 >> Next >> code No (01-50) >> account code (0>>9) >> store >> End.**
 - Tạo mã **Account** để khi gọi thì nhấn mã có 4 ký tự.(**0000>>9999**)
- Nhập **303-305** : tạo mã cấm tương ứng khi sử dụng từng COS3 >> COS5 ở chế độ **Verify toll**.
- Nhập **601-602-603** : đưa **Ext jack No** vào **COS** sử dụng **Account code (COS3 >> COS5)**.

18. Đảo cực :

- Nhập **424>> Next >> Co line No (1...8/*)** chọn từ **1 >>8** cho **CO 1>>CO 8** hoặc chọn tất cả thì chọn "*" >> **select (enable** chọn chế độ đảo cực / **Disable** không chọn chế độ đảo cực) >> **Store >> End**
 - Enable** : chọn chế độ đảo cực.

19. Chỉnh thời gian Flash time :

- Nhập **418 >> Next >> CO No (1...8/*)** nhập từ **1>>8** nếu chọn từ **CO 1>> CO 8** nhập "*" nếu chọn tất cả >> **Select (600/900/1200ms) >> Store >> End**

20. Giới hạn thời gian gọi ra ngoài :

- Nhập **212>> Next >> Time (1>>32 minite** là thời gian cần giới hạn)>> **Store>> End.**
 - Tạo khoảng thời gian giới hạn để đàm thoại (1>> 32 min)
- Nhập **613 >> Next >> Ext jack No (01...24/*** chọn **jack Ext** từ 0 >> 24 nếu chọn tất cả các **jack** thì nhập *)>> **select (enable** là giới hạn/ **Disable** là không giới hạn) >> **Store>> End**
 - Chọn **Ext** nào giới hạn thời gian gọi ra.

21. Giới hạn gọi ra trên đường CO :

- Nhập **205 >> Next >> 1-32 min** là thời gian cần giới hạn >> **Store >> End.** Áp dụng khi sử dụng ở chế độ **call forwarding to out side CO line, call transfer to outside CO line.** Khi hết thời gian giới hạn sẽ chấm dứt cuộc đàm thoại.

22. Chuyển cuộc gọi trên đường CO line :

- Nhập **606 >> Next >> Ext jack No (01...24/*** nhập từ **1>>24** để chọn **Ext jack** nếu chọn tất cả các **jack** thì nhập *) >> **select (enable** chế độ cho phép chuyển) cuộc gọi/ **Disable** chế độ không cho phép chuyển cuộc gọi) >> **Store >> End.**
 - Enable** (cho phép) , **Disable** (không cho phép) **Ext tranfer to outside CO line.**

23. Call Forwarding cuộc gọi trên đường CO line :

- Nhập **607 >> Next >> Ext Jack No (01...24/*** nhập từ **1>>24** để chọn từ jack 1>>24, nhập "*" nếu chọn tất cả) >> **Select (Enable** chế độ cho phép sử dụng / **Disable** không cho phép) >> **Store >> End.**
 - Enable** (cho) , **Disable**(không cho) **Ext call forwarding outside CO line.**

24. Reset dữ liệu hệ thống (Reset phần mềm)

- Nhập **999 >> Next >> Select (All para / system / CO / Ext / Dss /Speed dial) >> Store >> End.**
 - All para : Reset** Tổng Đài trả về giá trị **Default.**
 - CO para: Reset** Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **CO line**

- **Ext para: Reset** Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **Ext line**
- **DSS para: Reset** Tổng Đài trả về giá trị **Default** của các chức năng **DSS console**

25. Hiển thị số gọi đến :

- Chọn có hoặc không có hiển thị trên từng **CO**
- Nhập **900**>> **Next** >> **CO line No (1...8/*** nhập từ **1**>>**8** nếu chọn từ **CO 1**>>**CO 2**, nhập * nếu chọn tất cả các CO) >> **Select (Enable** chế độ hiển thị / **Disable** chế độ không hiển thị) >> **store**>> **End**
 - Chọn chế độ hiển thị **FSK** hoặc **DTMF** cho từng **CO line**.
- Nhập **910** >> **Next**>> **CO line No (1...8/*)** nhập từ **1**>>**8** nếu chọn từ **CO 1**>>**CO 8**, nhập "*" nếu chọn tất cả) >> **Select (FSK** chọn chế độ hiển thị ở hệ **FSK** / **DTMF** chọn chế độ hiển thị ở hệ **DTMF**) >> **Store**>> **End**.
 - Cho phép hiện số trên máy thường
- Nhập **628** >> **Next** >> **Jack No (1...8/*)** >> **Select (Enable/Disable)** >> **Store** >> **End**.

26. Set cổng COM máy in RS232C

- **Nhập 800** >> **Next** >> **Select (CR+LF/CR)** >> **Store** >> **Next** >> **Select (1200/ 2400/ 4800/ 9600 bps** tốc độ máy in phải giống với tốc độ của tổng đài) >> **Store** >> **Next** >> **Select (7/8 bit)** >> **Store** >> **Next** >> **Select (Mark/Space/Even/All/None)** >> **Store** >> **Next** >> **Select (1 bit / 2 bit)** >> **Store** >> **End**.
- **Chọn mã đường line:** CR + LF/CR
- **Chọn tốc độ bit:** 1200/2400/4800/9600
- **Chọn độ dài ký tự:** 7/8 bit.
- **Chọn bit parity:** Mark/Space/Even/Old/None
- **Chọn bit stop:** 1 bit / 2 bit.

27. Chọn chế độ in hay không in cuộc gọi ra hoặc vào :

- Nhập **802** >> **Next** >> **select (On / Off / toll)** >> **store** >> **Next** >> **select (On / Off)** >> **store** >> **End**.
- **Outgoing call** : cuộc gọi ra : **ON**(in tất cả cuộc gọi) / **OFF**(không in)/ **Toll** (in những cuộc gọi giới hạn).
- **Incoming call** : Cuộc gọi vào : **On**(in) / **Off** (không gọi)

LẬP TRÌNH TEB308 / 824 CƠ BẢN BẰNG PC

Cài đặt "KX-TEB308 Maintenance Console" hoặc "TES824 Maintenance Console"

Cài đặt Driver USB nếu lập trình bằng USB, cũng có thể lập trình bằng cổng RS_232:

- Mở **KX-TEB308 Maintenance Console/TES 824 Maintenance Console** >> **Enter Program console** >> **1234** >> chọn **Connect to PABX** >> **Enter system Password** >> **1234** >> chọn **USB** (nếu lập trình USB) chọn **RS232** (Nếu lập trình bằng cổng **COM RS-232C**)

1. Ngày giờ hiện hành:

- **1.System** >> **1.1 Date & time** >> **Date** (nhập ngày, tháng, năm) >> **time** >> chọn **AM/PM** >> nhập giờ, phút >> **Apply** .

2. Đổi Password lập trình:

- **1.System** >> **1.2 Main** >> **System Password** >> nhập **Password** mới >> **Apply** .

3. Chức năng giám sát:

- **2.Extension** >> **2.5 Dss console** >> **Dss console No** >> chọn **DSS** >> **console Port** >> chọn **Port** để gán bàn **DSS** >> **pair Ext** >> chọn **Port** đi kèm với **DSS** >> **Apply** .

4. Chuyển đổi chế độ ngày, đêm và trưa

- **1.System** >> **1.4 Time service** >> **Time service Switching Mode** >> chọn **Manual** (chuyển bằng tay), chọn **Auto** (chuyển tự động) >> **Apply** .

5. An định thời gian làm việc ở chế độ ngày, đêm, trưa .

- **System** >> **1.4 Time service** >> **Time service Switching Mode** >> **Time Setting** >> Nhập giờ bắt đầu ngày, đêm, trưa cho các ngày trong tuần từ thứ hai >> Chú nhật >> **Apply**.

6. An định máy Operator:

- **1.System** >> **Main** >> **Operator** >> chọn **Jack** làm **Operator** >> **Apply** .

7. Đổi số máy nhánh:

- **1.System** >> **Numbering Plan** >> **Numbering Plan** >> chọn **Plan (1-3)** >> đổi số **Ext** tương ứng từng **Jack** >> **Apply** .

8. Kết nối CO chọn chế độ quay số, CO group >> thời gian Flash, Đảo cực CO .

- **3.CO >> Detail >> Connection >> chọn CO kết nối >> Dial mode >> chọn chế độ quay số >> CO line group >> chọn Group cho CO line >> Flash / recal time >> chọn thời gian Flash >> Reverse detection chọn hay không chọn chế độ đảo cực CO >> Apply**

9. Đổ chuông thường:

- **3.CO >> 1 line Mode >> CO line >> chọn Normal cho chế độ ngày, đêm, trưa >> Apply .**
- **3.CO >> 2.Incoming / Outgoing >> CO line Number >> chọn CO đổ chuông (1.....8) >> Ext >> chọn máy nhánh đổ chuông vào các thời gian ngày, đêm, trưa >> Apply >> Ok**

10. Đổ chuông Delay:

- **3.CO >> 3.1.Time mode >> CO line >> Chọn Normal cho chế độ ngày, đêm, trưa >> Apply**
- **3.CO >> 3.2.Incoming/outgoing >> CO line Number >> chọn CO đổ chuông (1.....8) >> Ext >> chọn máy nhánh đổ chuông >> chọn thời gian đổ chuông máy tiếp theo >> Apply >> Ok**

11. Hunting Ring: Tìm máy rỗi đổ chuông trong nhóm

- **3.CO >> 3.2.Incoming / outgoing >> CO line Number >> chọn CO>>chọn máy nhánh đổ chuông vào các chế độ ngày đêm trưa(các máy đổ chuông phải chung một nhóm) >> apply >> ok**
- **2.Extention >> 2.6 Extention group >> chọn Jack theo số máy nhánh đổ chuông vào cùng một nhóm >> Group no >> chọn Group no cho nhóm Hunting từ group 1 >> group8 >> Extention hunting >> Group no chọn Group hunting tương ứng ở trên >> Extention hunting >> Set >> chọn Group >> Type >> chọn chế độ Terminal (đổ chuông đầu cuối) hay chế độ Circular (chế độ đổ chuông xoay vòng) cho nhóm Hunting >> Apply**
- **3.CO >> 3.1 Line mode>> Co No>> chọn Co sử dụng Hunting >> chọn chế độ ngày đêm trưa >> Type >> chọn Dil tương ứng với từng Co hunting >> Detail >> chọn Jack Ext(máy nhánh) đổ chuông đầu tiên trong nhóm Hunting nếu bạn đổ chuông máy tiếp theo trong nhóm>> Apply >> Ok**

12. Chế độ DISA:

Khi gọi vào trên Co sử dụng disa thì tổng đài phát ra bản tin OGM, người gọi có thể bấm trực tiếp số nội bộ muốn gặp(nếu biết). Nếu không bấm gì thì cuộc gọi tự động chuyển về operator đã quy định. Phải có card disa

- **3.CO >> 3.1 line mode >> CO line >> Type >> chọn DISA >> Detail chọn OGM No (từ OGM 1>>OGM 8) cho ngày, đêm, trưa >> Apply >> Ok**

13. Chế độ UCD:

Nếu có cuộc từ ngoài vào các máy đổ chuông bạn trên đường CO sử dụng chế độ UCD thì tổng đài sẽ thực hiện chế độ UCD như phát bản thông báo khoảng thời gian chờ hoặc kke61t thúc cuộc gọi...Phải có card disa

- **3.CO >> 3.1 line mode >> CO line >> Type >> chọn UCD >> cho ngày, đêm, trưa >> Apply**
- **8.UCD >> 8.1 UCD >> UCD Group >> chọn Group Ext (nhóm máy nhánh đổ chuông khi gọi vào nếu bạn thì sử dụng chế độ UCD) >> UCD waiting Message >> chọn bản tin OGM phát ra khi các máy trong nhóm sử dụng ở chế độ UCD bạn hết >> Timer >> UCD Busy Waiting time >> chọn Thời gian chờ sau khi bản tin OGM ở chế độ UCD waiting message phát ra >> Mode >> UCD busy mode . Chọn 1 trong 4 chế độ sau: **Intercept-Normal, Intercept-DISA, Disconnect, Disconnect OGM1 >> Apply .****
- **Intercept-Normal:** Sau thời gian chờ **UCD Busy Waiting time** các máy **Ext group** đang ở chế độ **UCD** vẫn bận thì cuộc gọi sẽ chuyển đến 1 máy khác cho đổ chuông hoặc người gọi có thể ấn số nội bộ nếu biết .
- **Intercept-DISA:** Sau thời gian chờ **UCD Busy Waiting time** các máy **Ext group** đang ở chế độ **UCD** vẫn bận thì sẽ phát ra bản tin **OGM** và sau đó sẽ chuyển đến 1 máy khác cho đổ chuông ngoài nhóm **Ext group** sử dụng ở chế độ **UCD** hoặc người gọi có thể nhấn số nội bộ nếu biết .
- **Disconnect:** Sau thời gian chờ **UCD Busy Waiting time** các máy **Ext group** đang ở chế độ **UCD** vẫn bận thì sẽ kết thúc cuộc gọi .
- **Disconnect OGM1:** Sau thời gian chờ **UCD Busy Waiting time** các máy **Ext group** đang ở chế độ **UCD** vẫn bận thì sẽ phát ra bản tin **OGM** và sau đó kết thúc cuộc gọi .

14. Chế độ DISA 3 cấp: DISA AA

- **3.1 Line mode >> chọn CO (từ 1>>8) >> Chọn chế độ ngày đêm tương ứng cho từng Co >> Type >> chọn DISA >> Detail >> chọn OGM No (bản tin tổng từ OGM 1 >> OGM 8) >> Apply**
- **7.DISA >> 7.1 Automatic Attendant >> DISA Incoming call Disa mode >> chọn with AA >> AA table >> chọn (từ 0 >> 9) >> AA Dial (0 >> 9) >> chọn 2.Level AA >> OK >> (0 >> 9) 2.Level AA >> chọn (từ 0 >> 9) >> AA Dial (0 >> 9) (0 >> 9) >> chọn 3.Level AA>> OK >>(0 >> 9) (0 >> 9) chọn 3.Level AA>> chọn (từ 0 >> 9) >> (0 >> 9) (0 >> 9) (0 >> 9) >> Ext >> chọn Jack Ext >> OK >> Apply .**

15. Cho phép gọi ra hoặc không cho phép gọi ra trên đường CO

- **3.CO >> 3.2 Incoming/ Outgoing >> CO line >> chọn CO >> chọn Ext(máy nhánh) >> Outgoing call >> chọn hoặc không chọn ở chế độ gọi ra cho chế độ ngày đêm >> Apply .**

16. Hạn chế cuộc gọi:

- **5.TRS >> 5.2 Deneied codes >> tạo mã cấm trên class (class2 >> 5) >> Apply .**
- **5.TRS >> 5.1 Class of Service (cos) >> cho máy nhánh vào cos muốn giới hạn đã tạo ở trên theo chế độ ngày, đêm, trưa >> Apply .**

17. Gọi bằng Account code:

- **5.TRS >> 5.2 Deneied codes >> tạo mã cấm trên class (class 3 >> 5) >> Apply .**
- **5.TRS >> 5.1 Class of Service (cos) >> cho nhánh vào cos muốn giới hạn đã tạo ở trên theo chế độ ngày, đêm, trưa >> Apply .**
- **2. Ext >> 2.1 main >> Account code model (Option, forced, veryfile all, veryfile toll) chọn cho từng Ext (máy nhánh)các chế độ option... >> Apply .**
 - **Veryfile all:** Không cần tạo mã cấm, bất cứ khi nào gọi ra cũng phải nhập mã account .
 - **Verifile toll:** Nhấn Account khi gọi những mã đã được cấm ở trên .
- **1. System >> 1.5 Account code >> tạo mã account để gọi Account >> Apply .**

18. ARS:

- **6.ARS >> 6.1 Common >> ARS Mode >> chọn CO sử dụng ARS từ CO >> CO 8 >> Apply .**
- **6.ARS >> 6.2 Routing Plan >> tạo mã vùng liên tỉnh khi sử dụng ARS theo từng Route để chèn dịch vụ >> Modification >> Added Number >> chọn dịch vụ chèn (171, 177, 178, 179) >> Apply .**

19. Giới hạn thời gian gọi ra ngoài:

- **2. Ext >> 2.1 main >> Pager 2 >> Ext(máy nhánh) >> CO Call Duration limited >> chọn hoặc không chọn giới hạn thời gian gọi ra cho từng Ext (máy nhánh)>> Apply .**
- **1. System >> 1.6 Times >> Call Duration >> Ext to CO Duration limited >> chọn thời gian giới hạn >> Apply .**

20. Chuyển cuộc gọi trên đường CO:

- **2. Ext >> 2.1 Main >> Page 1 >> Transfer to CO chọn hoặc không chọn Ext (máy nhánh) có thể Transfer to CO >> Apply .**

21. Call forward to CO:

- **2. Ext >> 2.2 Main >> Page 1 >> Call Forward to CO chọn hoặc không chọn Ext(máy nhánh) có thể Call Forward to CO >> Apply .**

22. Reset Tổng Đài:

- **Utility >> System Reset >> Normal On >> Default >> Yes hoặc No .**
- **Utility >> System Data clear >> Select target system data >> All >> OK .**

23. Caller ID: Hiện Thị số gọi đến

- **11. Caller ID >> 11.1 Main >> CO line Setting >> CO line >> Caller ID >> chọn CO hiển thị >> Caller ID type >> chọn loại hiển thị DTMF hoặc FSK >> apply.Chỉ hiển thị ở bàn lập trình**
- **11.Caller ID >> 11.2 SLT caller ID >> Ttype >> chọn hệ FSK hoặc DTMF >> Jack >> Ext number(máy nhánh) >> SLT caller ID muốn hiển thị trên máy thường đánh dấu chéo >> Apply.**

24. Set cổng máy in (SMDR)RS 232C: (Set các thông số giữa tổng đài và cổng máy in giống nhau)

- **System >> 1.7 SMDR >> RS232C Parameter >> NL code >> CCR + LF (CR) >> Baud Rate (bps) (9600, 1200, 4800, 2400) thường chọn 9600>> Word length >> 8 bit/ 7 bit chọn 8 bit >> Parity bit >> None (Mark/old/Even) >> Stop bit >> 1 bit/ 2 bit chọn 1bit >> Selection for printing >> Outgoing call >> On, Off, toll >> Incoming call >> On, Off >> Account code >> Code / Index >> Apply .**

SỬ DỤNG TEB308/TES824

1. Gọi nội bộ:

- Nhắc máy >> nhấn số nội bộ (hay phím **DSS** tương ứng với số nội bộ đã lưu) >> nói chuyện

2. Gọi Operator:

- Nhắc máy >> nhấn số **(0/9)** >> nói chuyện.

3. Gọi ra ngoài chiếm ngẫu nhiên CO

- Nhắc máy >> nhấn số **(0/9)** chiếm CO >> quay số Điện thoại cần gọi >> nói chuyện.

4. Chiếm trực tiếp CO gọi ra ngoài

- Nhắc máy >> nhấn số **(81>> 88)** chiếm CO >> quay số Điện thoại cần gọi >> nói chuyện.

5. Gọi bằng Account Code:

- Nhắc máy >> nhấn số **9 (81/ 88)** chiếm CO >> nhấn ****** >> **Password (account code)** >> quay số Điện thoại cần gọi >> nói chuyện.

6. Call Pickup: Rước cuộc gọi

▪ **Plant 1:**

- Rước theo nhóm: Nhắc máy >> nhấn số **40** >> nói chuyện.

- Rước trực tiếp: Nhắc máy >> nhấn số **4 + Ext No** >> nói chuyện.
 - **Plant 2,3:**
 - Rước theo nhóm: Nhắc máy >> nhấn số **#40** >> nói chuyện.
 - Rước trực tiếp: Nhắc máy >> nhấn số **#4 1+ Ext No** >> nói chuyện.
- 7. Chuyển cuộc gọi:**
- **Chuyển nội bộ:**
 - Đang nói chuyện nhấn **Transfer/Flash/Hookswitch** >> nhấn số **Ext** hoặc nhấn phím trên **DSS** >> gác máy.
 - **Chuyển trên đường CO:**
 - Đang nói chuyện nhấn **Transfer** >> nhấn **9 (81 >> 88)** >> nhấn số điện thoại >> gác máy.
- 8. Đàm thoại tay ba:**
- Nhắc máy >> nhấn số **9 (81/ 88)** >> nhấn số điện thoại >> nói chuyện>> nhấn **CONF/ Flash / Hookswitch** >> nhấn số **Ext** >> nói chuyện >> nhấn **CONF/ Flash >> Hookswitch** >> nhấn số 3 >> 3 người nói chuyện cùng lúc.
- 9. Ghi âm bản tin thường:**
- **Program >> 9 >> 1 >> OGM no (có 8 OGM từ OGM1>> OGM8)** >> **Record**(bắt đầu đọc bản tin >> **Store** (kết thúc bản tin và lưu bản tin).
 - **Nghe lại: Program >> 9 >> 2 >> OGM No (1>>8)**
- 10. Lưu số trên bàn DSS từ bàn lập trình và bàn DSS:**
- **Lưu số Ext:**
 - **Program # *** >> nhấn phím cần lưu trên bàn **DSS** >> nhấn phím số **"1"**(trên bàn lập trình) >> số **Ext** >> store.
 - **Lưu số CO:**
 - **Program # *** >> nhấn phím cần lưu trên bàn **DSS** >> nhấn phím số **"0"**(trên bàn lập trình)>> số **CO** >> store.
 - **Lưu số quay nhanh:**
 - **Program # *** >> nhấn phím cần lưu trên bàn **DSS** >> nhấn phím số **"2"** trên bàn lập trình>> nhấn số **"9"** >> số cần lưu >> **Store**.
- 11. Call Forwarding:**
- **All call tất cả cuộc gọi vào sẽ Forward đến một máy khác được gán**
 - **Set:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 1 >> Ext No >> #** >> gác máy.
 - **Cancel:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 0** >> gác máy.
 - **Busy/No answer khi gọi vào máy bị bận hoặc không trả lời thì sẽ forward cuộc gọi đến máy khác đã được gán**
 - **Set:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 2 >> Ext No >> #** >> gác máy.
 - **Cancel:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 0** >> gác máy.
 - **To outside CO line cuộc gọi sẽ được forward trên đường CO đến một máy cố định hay máy di động đã được gán**
 - **Set:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 3 >> 9/0** >> số điện thoại >> **#** >> gác máy.
 - **Cancel:** nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 0 >> #.**
 - **Follow me:**
 - **Set:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 5 >> Ext No >> #** >> gác máy.
 - **Cancel:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 8 >> Ext No >> #** >> gác máy.
- 12. Tránh làm phiền: DND sẽ không có chuông đổ khi có cuộc gọi đến**
- **Set:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 4 >> #** >> gác máy.
 - **Cancel:** Nhắc máy >> **FWD/DND (71) >> 0 >> #** >> gác máy.
- 13. Khoá bàn phím chỉ nhận cuộc gọi không thực hiện cuộc gọi**
- **Lock:** Nhắc máy nhấn **77 >> Password >> Password >> #** >> gác máy.
 - **Unlock:** Nhắc máy nhấn **77 >> Password >> #** >> gác máy.
- 14. Chuyển chế độ ngày đêm bằng tay ở máy Operator:**
- **Ngày:** Nhắc máy >> **781 >> #** >> gác máy.
 - **Đêm:** Nhắc máy >> **782>> #** >> gác máy.
- 15. Kiểm tra chế độ ngày đêm ở máy Operator:**
- Không nhắc máy nhấn phím **#**.
- 16. Xoá các cài đặt chức năng ở máy nhánh (Đưa về chế độ bình thường)**
- Nhắc máy >> **79 >> #** >> gác máy.